

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 28/5/2020 và bản tự Ki, biên bản lấy lời Ki, biên bản lấy lời Ki bổ sung, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Bùi Thị K trình bày:*

Chị và vợ chồng bà Dương Thị L, ông Phạm Đăng T ở thôn Trại Mới, xã Ngọc Châu có quan hệ quen biết do trước đây chị có mua nhà sân cầu của vợ chồng bà L. Cuối năm 2018, do cần vốn để kinh doanh hợp tác xã măng lục trúc nên bà L có nhiều lần hỏi vay tiền chị. Bà L có giới thiệu bà là chủ hợp tác xã măng lục trúc, được Nhà nước hỗ trợ vốn để đầu tư sản xuất 4-5 tỷ nhưng phải có tiền đầu tư quy mô thì mới được giải ngân, khi nào được giải ngân thì bà L sẽ trả tiền chị. Bà L có hứa miệng là sẽ trả chị lãi suất 3.000.000 đồng/100.000.000 đồng/tháng, việc thỏa thuận này chỉ bằng miệng, không có giấy tờ gì. Do tin tưởng bà L và ham lãi nên trong khoảng thời gian từ tháng 9/2018 đến tháng 12/2018, chị có cho bà L vay tiền nhiều lần, tổng số tiền vay là 1.381.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi một triệu đồng). Cụ thể gồm các lần vay như sau:

- Ngày 06/10/2018 chị cho bà L vay 130.000.000 đồng, không thỏa thuận ngày trả, bà L chỉ hẹn chị khi nào lấy được tiền hỗ trợ thì trả tiền;
- Ngày 06/11/2018 chị cho bà L vay 410.000.000 đồng, bà L hẹn ngày 26/11/2018 trả tiền;
- Ngày 10/12/2018 chị cho bà L vay 571.000.000 đồng, bà L hẹn ngày 18/12/2018 trả tiền;
- Ngày 26/12/2018 chị cho bà L vay 180.000.000 đồng, bà L hẹn ngày 28/12/2018 trả tiền.

Trong 04 lần vay kể trên thì chị trực tiếp mang tiền lên nhà bà L để đưa đủ cho bà L số tiền trên, cả 04 lần bà L đều tự tay viết Giấy vay tiền và ký tên, khi vay chỉ có chị và bà L trực tiếp giao dịch, có lần có mặt ông T là chồng bà L nhưng chị không nhớ cụ thể là ngày nào, ông T cũng chỉ chứng kiến chứ không ký vào giấy vay, ngoài ra không có mặt ai khác. Chị khẳng định toàn bộ chữ viết ở phần nội dung và chữ ký tên “L - Dương Thị L” ở phần “Người vay” trong 04 giấy vay tiền đề các ngày 06/10/2018, 06/11/2018, 20/12/2018, 26/12/2018 đều do bà L tự tay viết và ký.

Ngoài 04 lần vay trên thì chị có 04 lần cho bà L vay bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng của bà L là số tài khoản 43110000698497 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Bắc Giang II- Phòng giao dịch Đình Kê. Các lần này đều do bà L gọi điện hỏi vay chị, do số tiền không quá lớn và tin tưởng bà L nên chị chỉ ra ngân hàng chuyển khoản cho bà L chứ không yêu cầu bà L viết giấy vay, cụ thể như sau:

- Ngày 21/9/2018 chị chuyển khoản cho bà L 10.000.000 đồng.
- Ngày 26/9/2018 chị chuyển khoản cho bà L 30.000.000 đồng;
- Ngày 04/10/2018 chị chuyển khoản cho bà L 20.000.000 đồng;
- Ngày 10/10/2018 chị chuyển khoản cho bà L 30.000.000 đồng.

Như vậy trong tổng số 04 lần cho vay trực tiếp và 04 lần chuyển khoản thì chị đã cho bà L vay 1.381.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi một triệu đồng). Trong đó chị và bà L chỉ thỏa thuận về lãi duy nhất một lần bằng miệng

là lần vay ban đầu, lãi thỏa thuận là 3.000.000 đồng/100.000.000 đồng/tháng. Sau khi vay 08 lần kể trên, bà L chưa trả được cho chị khoản tiền gốc và lãi nào. Chị đã rất nhiều lần gọi điện và gặp trực tiếp bà L để đòi nhưng bà L đều nhất lần không trả.

Lý do bà L vi phạm thời hạn trả nợ nhiều lần, đồng thời chưa trả được khoản gốc, lãi nào nhưng chị vẫn cho vay tiếp lần sau vì chị tin tưởng bà L hứa hẹn nhiều là sắp nhận được tiền hỗ trợ vài tỷ đồng của Nhà nước, lại thấy bà L là chủ tịch hợp tác xã, có cơ sở làm ăn quy mô, có khả năng trả nên chị mới cho vay nhiều lần như vậy. Trước khi cho vay 08 lần này thì chị có cho bà L vay 01 lần 250.000.000 đồng, chị không nhớ thời gian vay, bà L đã trả đủ gốc và lãi của mã vay này, nên chị mới tin tưởng cho vay tiếp các lần sau. Sau khi bà L trả xong mã 250.000.000 đồng này thì chị cũng đã hủy giấy vay rồi nên không có tài liệu chứng minh nộp cho Tòa án.

Chị xác định tổng số tiền 1.381.000.000 đồng mà bà L vay chị là nợ chung của vợ chồng bà L, ông T, vì tuy chỉ có bà L trực tiếp giao dịch với chị nhưng mục đích bà L vay để làm kinh tế, đầu tư vào sản xuất măng lục trúc, việc kinh doanh này là của cả hai vợ chồng bà L. Số tiền chị cho bà L vay là tài sản của cá nhân chị. Chồng trước của chị là Hoàng Tuấn, đã ly hôn năm 2017 và các con chị không liên quan đến số tiền này.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Dương Thị L, ông Phạm Đăng T phải trả chị số tiền gốc làm tròn là 1.380.000.000 đồng (một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng), đối với số tiền gốc lẻ là 1.000.000 đồng chị không yêu cầu trả. Đồng thời yêu cầu vợ chồng bà L, ông T phải trả chị tiền lãi tính từ ngày vay, ngày chuyển khoản qua ngân hàng của từng mã vay cho đến nay theo mức lãi suất do pháp luật quy định.

Khi nộp đơn khởi kiện cho Tòa án thì chị có gửi cả giấy nộp tiền kèm bảng kê ngày 16/7/2018 tại Ngân hàng Techcombank, số tiền nộp là 287.100.000 đồng. Giấy nộp tiền này là tài liệu trong vụ án Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị với bà L hiện cũng đang được Tòa án huyện Tân Yên giải quyết, không liên quan đến vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa chị với bà L, chị gửi nhầm vào tài liệu của vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Bùi Thị K có mặt trình bày:

Chị xác định chị cho bà Dương Thị L vay tổng số tiền 1.380.000.000 đồng (một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng) tiền gốc như đơn khởi kiện của chị nêu là 1.381.000.000 đồng nay chị yêu cầu 1.380.000.000 đồng cho chặn tiền gốc, các giấy biên nhận vay tiền gốc và các bên chuyển khoản chị đã cung cấp cho Tòa án. Chị xác định số tài khoản của chị là 2501205120185 và số tài khoản của bà L là 43110000968497. Trong các ngày 21/9/2018 số tiền chuyển khoản 10.000.000 đồng, ngày 26/9/2018 số tiền chuyển khoản 30.000.000 đồng, ngày 04/10/2018 số tiền chuyển khoản 20.000.000 đồng, ngày 10/10/2018 số tiền chuyển khoản 30.000.000 đồng theo các chứng cứ chị đã nộp cho Tòa án thì trong các ngày trên chị đã chuyển số tiền vào tài khoản của bà L.

Chị khẳng định 04 giấy vay tiền đề ngày 06/10/2018, ngày 06/11/2018, ngày 10/12/2018, ngày 26/12/2018 nội dung trong giấy vay tiền là toàn bộ chữ

do bà L viết và bà ký tên “L, Dương Thị L”. Chị xác định bà L không có chuyển khoản lần nào, số tiền nào vào tài khoản của chị để trả lãi theo như lời Ki của bà L.

Nay chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị yêu cầu bà L, ông T có trách nhiệm trả cho chị tổng số tiền gốc đã vay là 1.380.000.000 đồng theo các giấy biên nhận vay tiền và các mã chuyển khoản và chị yêu cầu phải trả tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước 10%/năm tính từ ngày vay cuối cùng của giấy biên nhận vay tiền ngày 26/12/2018, đối với số tiền chuyển khoản tổng 90.000.000 đồng qua ngân hàng của từng mã vay chị không yêu cầu trả lãi.

** Tại bản tự Ki, biên bản lấy lời Ki, biên bản lấy lời Ki bổ sung, biên bản hòa giải bị đơn bà Dương Thị L trình bày:*

Bà và chị Bùi Thị K không có mối quan hệ quen biết gì. Bà thừa nhận bà có viết và ký 04 giấy vay tiền đề các ngày 06/10/2018, 06/11/2018, 18/12/2018, 26/12/2018 (số tiền vay lần lượt là 130.000.000 đồng, 410.000.000 đồng, 571.000.000 đồng, 180.000.000 đồng) mà chị K đã nộp cho Tòa án. Tuy nhiên bà không vay và không được nhận khoản tiền mặt nào ghi trong 04 giấy vay kể trên. Lý do bà viết và ký 04 giấy vay tiền trên như sau:

Năm 2013, bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ở 351m² tại thửa số 85/1, tờ bản đồ số 61, địa chỉ đất tại thôn Lộc Ninh (nay là thôn Khánh Ninh), xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang theo Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 15/3/2013, số vào sổ cấp GCN: 00382. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho cá nhân bà.

Tháng 12/2014, do cần vốn để làm ăn nên bà đã thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất nêu trên để vay số tiền 400.000.000 đồng tại Phòng giao dịch Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)- Chi nhánh Bắc Giang theo hợp đồng thế chấp ngày 15/12/2014. Theo thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn thì mỗi tháng bà phải trả nợ lãi và trả góp nợ gốc tổng hơn 10.000.000 đồng, thời hạn trả nợ theo hợp đồng thì bà không nhớ. Đến tháng 7/2018, tuy khoản nợ Ngân hàng chưa đến hạn nhưng do bà vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển khoản nợ của bà thành nợ quá hạn và yêu cầu thanh toán. Bà đã vay của nhiều người để trả Ngân hàng một phần gốc và lãi, còn lại 285.000.000 đồng chưa trả được. Lúc này bà Giáp Thị Lương là cán bộ phụ nữ xã Ngọc Châu có dẫn chị Bùi Thị K đến gặp bà. Bà và chị K có thỏa thuận như sau: chị K cho bà vay tổng số tiền 400.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, khi nào bà được đảo sổ Ngân hàng thì trả chị K. Trong số tiền này chị K trừ trước 30.000.000 đồng tiền lãi, chị K thay bà trả số tiền gốc và lãi tại Ngân hàng Techcombank là 285.000.000 đồng, còn lại 85.000.000 đồng chị K đưa cho bà tiền mặt để bà trả nợ những người mà bà đã vay trước đó để trả Ngân hàng. Khi thỏa thuận vay tiền thì bà và chị K không lập giấy tờ gì, có mặt bà, chị K, bà Lương, ngoài ra không có ai khác. Bà không nhớ ngày thỏa thuận vay chị K số tiền 400.000.000 đồng là ngày nào, khi thỏa thuận cũng không lập giấy tờ gì.

Sau khi thỏa thuận, chị K có yêu cầu bà làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà cho chị K với lý do: Chị K sợ sau khi bà vay sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán

cho chị. Chị K có nói là chỉ làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chắc chắn, sau này bà được đảo sổ rồi trả tiền cho chị K thì chị K sẽ trả lại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà. Do bà không hiểu biết pháp luật và cũng không có cách nào trả tiền sớm cho chị K được nên bà đã đồng ý ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất trên cho chị K, trong hợp đồng có ghi bà đã nhận đủ 460.000.000 đồng, trong 460.000.000 đồng này có 400.000.000 đồng mà bà đã thỏa thuận vay chị K để trả nợ Ngân hàng mà bà vừa nêu trên.

Sau khi thỏa thuận, do bà chưa trả được gốc và lãi cho chị K nên chị K có tính lãi lên và nhiều lần đến gặp bà yêu cầu bà viết giấy vay mới, cụ thể gồm 04 giấy vay tiền đề ngày 06/10/2018 (vay 130.000.000 đồng), 06/11/2018 (vay 410.000.000 đồng), 10/12/2018 (vay 571.000.000 đồng), 26/12/2018 (vay 180.000.000 đồng). Thực chất cả 04 giấy vay này đều là giấy chốt nợ tiền lãi của số tiền 400.000.000 đồng nêu trên, bà không được nhận khoản tiền nào ghi trong 04 giấy vay này do chị K đưa. Cả 04 giấy vay này đều do bà viết và ký tên người vay, khi viết và ký giấy vay thì bà không bị lừa dối, ép buộc, nhưng vì chị K đều lên đòi tiền và yêu cầu viết giấy vay vào lúc nhà bà đang có công việc bận, bà lại chưa có tiền trả gốc và lãi cho chị K nên bà ngại, đành viết giấy vay mới cho xong việc.

Số tài khoản 43110000698497 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Bắc Giang II- Phòng giao dịch Đình Kế là số tài khoản của bà. Tuy nhiên bà không được nhận số tiền nào do chị K chuyển cho bà theo các giấy nộp tiền gồm: giấy nộp tiền 30.000.000 đồng ngày 10/10/2018, giấy nộp tiền 10.000.000 đồng vào ngày 21 tháng nào không rõ của năm 2018, giấy nộp tiền 20.000.000 đồng ngày 04/10/2018, giấy nộp tiền 30.000.000 đồng ngày 26/9/2018.

Sau khi thỏa thuận vay chị K 400.000.000 đồng và ký 04 giấy vay trên, bà đã trả cho chị K tổng cộng 624.000.000 đồng. Bà có nộp cho Tòa án 09 Giấy nộp tiền mặt (bản phô tô), bà trình bày cụ thể về từng giấy nộp tiền trên như sau: Các giấy nộp tiền mặt ngày 23/10/2019 nộp số tiền 18.000.000 đồng, ngày 10/6/2019 nộp số tiền 18.000.000 đồng, 02 giấy nộp tiền ngày nào bà không nhớ nộp mỗi lần số tiền 20.000.000 đồng, ngày 17/01/2019 nộp số tiền 100.000.000 đồng, ngày 02/8/2019 nộp số tiền 68.000.000 đồng, ngày 26/9/2019 nộp số tiền 20.000.000 đồng, ngày 24/7/2019 nộp số tiền 30.000.000 đồng đều là nộp tiền lãi của số tiền vay 400.000.000 đồng. Giấy nộp tiền mặt ngày 23/8/2018 nộp số tiền 250.000.000 đồng là tiền gốc của số tiền vay 400.000.000 đồng nêu trên. Mỗi lần chuyển khoản xong bà đều gọi điện hỏi lại chị K xem đã nhận được tiền chưa thì chị K đều nói với bà là đã nhận được rồi. Các giấy nộp tiền mà bà nộp cho Tòa án đều liên quan đến việc trả tiền đất chứ không liên quan đến việc chị K đang kiện đòi nợ bà số tiền 1.380.000.000 đồng. Ngoài các lần chuyển khoản nêu trên bà còn đưa tay cho chị K để trả tiền một số lần nhưng đều không lập giấy tờ gì và bà còn chuyển khoản một số lần khác.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Dương Thị L có mặt trình bày:

Bà xác định bà không vay chị K tổng số tiền 1.381.000.000 đồng (một tỷ ba trăm tám mươi một triệu đồng) như đơn khởi kiện của chị K. Nên chị K khởi

kiện yêu cầu bà phải trả số tiền trên và tiền lãi theo quy định của pháp luật thì bà không đồng ý vì bà vay tiền đảo sổ, bà đã chuyển khoản trả lãi và gốc cho chị K, bà không vay chị K số tiền trên nhưng bà không xuất trình được các tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án. Các tài liệu chứng cứ bà đã nộp cho Tòa án vào ngày 22/10/2020 thì đến ngày 03/3/2021 bà đã có đơn xin lại các tài liệu chứng cứ này vì các tài liệu chứng cứ bà nộp không liên quan gì đến khoản nợ mà chị K đang khởi kiện đòi bà mà các tài liệu chứng cứ này liên quan đến vụ Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và chị K. Bà xác định số tài khoản của chị K là 2501205120185 và số tài khoản của bà là 43110000968497.

Trong các ngày 26/9/2018 số tiền chuyển khoản 30.000.000 đồng, ngày 04/10/2018 số tiền chuyển khoản 20.000.000 đồng, ngày 10/10/2018 số tiền chuyển khoản 30.000.000 đồng, ngày 02/11/2018 số tiền chuyển khoản 10.000.000 đồng theo các chứng cứ chị K nộp cho Tòa án trong các ngày trên bà có nhận được số tiền như chị K đã nộp. Từ ngày 26/9/2018 đến hết tháng 11/2018 do lâu ngày bà không nhớ, bà có rút khoản tiền nào trong thời gian này không. Bà khẳng định 04 giấy vay tiền đề ngày 06/10/2018, ngày 06/11/2018, ngày 10/12/2018, ngày 26/12/2018 nội dung trong giấy vay tiền là toàn bộ chữ do bà viết và bà ký tên “L, Dương Thị L” mà chị K đang khởi kiện bà. Thực tế có viết 04 lần giấy vay tiền nhưng trên thực tế bà không nhận được bất cứ khoản tiền nào từ chị K.

Bà Giáp Thị Lương dẫn chị K xuống nhà bà, do bà có nợ Ngân hàng Teccom bank số tiền 400.000.000 đồng, chị K đưa số tiền 287.000.000 đồng vào Ngân hàng để trả nợ cho bà để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra để đảm bảo khoản vay chị K bảo bà phải làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị K, 04 lần viết giấy vay tiền giữa bà với chị K thì bà Lương không chứng kiến viết giấy lần nào, 04 chuyển khoản qua Ngân hàng giữa bà với chị K thì bà Lương cũng không chứng kiến gì. Ông T là chồng bà không biết việc viết giấy vay tiền và chuyển khoản giữa bà và chị K, ông T không liên quan gì trong vụ án này.

Nay bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị K.

* Tại các buổi làm việc tại Tòa án, Tòa án đã giao gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, thông báo hòa giải người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đăng T đều vắng mặt và không có ý kiến gì về việc vay trả nợ giữa chị K và bà L. Tại phiên tòa bà L là đại diện theo ủy quyền của ông T trình bày ông T không chứng kiến việc vay nợ và không phải là thành viên của Hợp tác xã măng trúc, ông T không liên quan gì đến việc viết giấy vay nợ và chuyển khoản giữa bà và chị K.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị K là ông Trần Công Thịnh trình bày:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị K. Buộc bà L, ông T phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị K số tiền nợ gốc là 1.380.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước 10%/năm cụ thể tiền lãi 02 năm 04 tháng là 301.061.200 đồng.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn chị K, bị đơn bà L, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn luật sư Thịnh thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng khoản 3 Điều 144, Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288; Điều 463; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị K; Buộc bà L, ông T phải trả cho chị K tổng số tiền là 1.681.061.000 đồng trong đó tiền gốc 1.380.000.000 đồng và tiền lãi 301.061.000 đồng.

Về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa chị Bùi Thị K và bà Dương Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đăng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt và tại phiên tòa có giấy ủy quyền cho bà L. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị K có đơn khởi kiện yêu cầu bà L, ông T có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 1.380.000.000 đồng theo 04 giấy biên nhận vay tiền và 04 lần chuyển khoản qua Ngân hàng được xác định là quan hệ “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị K, Hội đồng xét xử thấy:

* Về nghĩa vụ trả tiền và số tiền phải trả:

- Tại giấy vay tiền đề ngày 06/10/2018 số tiền là 130.000.000 đồng, ngày 06/11/2018 số tiền là 410.000.000 đồng, ngày 10/12/2018 số tiền 571.000.000 đồng, ngày 26/12/2018 số tiền 180.000.000 đồng có chữ ký của bà Dương Thị L ký vào mục “người vay, L, Dương Thị L”; chị K khẳng định chữ viết và chữ ký “L, Dương Thị L” trong giấy vay tiền là chữ viết và chữ ký của bà L. Tại biên bản lấy lời Ki và tại phiên tòa bà L cũng thừa nhận các lần viết giấy và số tiền vay như trên, bà khẳng định chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền là chữ ký của bà, bà cung cấp một số giấy tờ về việc trả nợ cho chị K nhưng bà trình bày

các tài liệu chứng cứ này không liên quan đến việc vay nợ và yêu cầu khởi kiện của chị K mà chỉ liên quan đến vụ Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền quyền sử dụng đất giữa bà và chị K, bà L đã có đơn xin lại các tài liệu chứng cứ này vào ngày 03/3/2021. Mặt khác, bà L trình bày trong giấy vay tiền chỉ có bà giao dịch với chị K, ông T là chồng không giao dịch và không liên quan, cả 4 giấy vay tiền đều do bà viết và ký tên người vay, khi viết và ký giấy vay thì bà không bị lừa dối, ép buộc, bà vay tiền để làm hợp tác xã măng trúc. Chị K yêu cầu bà L, ông T phải có trách nhiệm trả số tiền trên thì thấy: Việc bà L vay tiền trong các lần viết giấy biên nhận vay tiền và chuyển khoản ông T đều không biết, không chứng kiến, bà L vay tiền để làm hợp tác xã măng trúc mà hợp tác xã măng trúc gồm nhiều thành viên góp cổ phần, ông T không có cổ phần trong hợp tác xã trên. Như vậy chị K khởi kiện yêu cầu bà L, ông T phải có trách nhiệm trả số tiền đã vay thì Hội đồng xét xử thấy số tiền vay trên của bà L không liên quan đến ông T, nên cần buộc cá nhân bà L phải có trách nhiệm cho chị K số tiền đã vay trên.

Đối với 04 lần chuyển khoản giữa chị K và bà L thì tại biên bản lấy lời Ki bổ sung chị K khẳng định 2501205120185 là của chị và số tài khoản 43110000968497 là của bà L, tại biên bản lấy lời Ki bổ sung bà L cũng khẳng định các số tài khoản trên là đúng của bà và chị K. Theo biên bản xác minh và xác nhận tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Bắc Giang II- Phòng giao dịch Dĩnh Kế và Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh huyện Tân Yên thì có xác nhận chị K và bà L có thực hiện các giao dịch chuyển khoản này, số tài khoản 43110000968497 là của bà L và Ngân hàng cung cấp, xác nhận đúng các ngày tháng đó bà Dương Thị L có nhận chuyển khoản và rút số tiền 04 lần chuyển khoản 90.000.000 đồng từ chị Bùi Thị K.

Do vậy, việc trình bày ý kiến của bà L tại bản tự Ki và biên bản lấy lời Ki và tại phiên tòa bà không vay số tiền trên của chị K nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì nên không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của bà L. Tại phiên tòa chị K vẫn yêu cầu bà L, ông T phải trả tiền gốc 1.380.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước 10%/năm từ ngày 26/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần buộc bà L có trách nhiệm phải trả nợ cho chị K số tiền nợ gốc là 1.380.000.000 đồng và lãi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước 10%/năm kể từ ngày 26/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/4/2021 đối với các giấy vay tiền là có căn cứ cần được chấp nhận.

Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

- Từ ngày 26/12/2018 đến ngày 26/4/2021 là 02 năm 04 tháng: $02 \text{ năm} \times 1.291.000.000 \text{ đồng} \times 10\% + 04 \text{ tháng} \times 1.291.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% = 258.200.000 \text{ đồng} + 42.861.000 \text{ đồng} = 301.061.000 \text{ đồng}.$

Đối với 04 mã chuyển khoản tại Ngân hàng tại phiên tòa chị K không yêu cầu trả lãi đối với các mã chuyển khoản này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Như vậy, tổng số tiền cả gốc và lãi bà L phải trả cho chị K là: 1.681.061.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.380.000.000 đồng, tiền lãi là 301.061.000 đồng).

[5] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do tại phiên tòa chị K, bà L không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án, lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí:

Do yêu cầu của chị K được chấp nhận nên bà L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà L phải chịu là: 36.000.000 đồng + (1.681.061.000 đồng - 800.000.000 đồng) 881.061.000 đồng x 3% = 36.000.000 đồng + 26.432.000 đồng = 62.432.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 288; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Về nghĩa vụ trả nợ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị K. Buộc bà Dương Thị L phải có nghĩa vụ trả cho chị Bùi Thị K tổng số tiền là 1.681.061.000 đồng (một tỷ sáu trăm tám mươi một triệu không trăm sáu mươi một nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 1.380.000.000 đồng (một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng chẵn), tiền lãi là 301.061.000 đồng (ba trăm linh một triệu không trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2] Án phí:

Bà Dương Thị L phải chịu 62.432.000 đồng (sáu mươi hai triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lâm Giang Nguyễn Văn Kiềm

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lâm Giang Nguyễn Văn Kiêm

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

